**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM**
**BAN CỨU TRỢ TỈNH QUẢNG NAM**

## CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN
## ỦNG HỘ ĐỒNG BÀO CÁC TỈNH BẮC BỘ VÀ BẮC TRUNG BỘ BỊ THIỆT HẠI DO MƯA LŨ NĂM 2017

*(Từ ngày 18/10/2017 đến ngày 27/11/2017)*

**ĐVT: vnđ**

| TT | CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ ỦNG HỘ | SỐ TIỀN |
|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Ngọc Quang - Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 2 | Phan Việt Cường - Ủy viên BCH TW Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Quảng | 1.000.000 |
| 3 | Đinh Văn Thu - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 4 | Võ Xuân Ca - Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 5 | Huỳnh Khánh Toàn - Phó Chủ tịch UBND tỉnh | 1.000.000 |
| 6 | Lê Văn Thanh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 7 | Lê Trí Thanh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 8 | Trần Đình Tùng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 9 | Lê Văn Dũng - Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Nam | 1.000.000 |
| 10 | Trần Văn Tân - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam | 500.000 |
| 11 | Nguyễn Thị Thu Lan - Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam | 500.000 |
| 12 | Lê Phước Hoài Bảo - Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Quảng Nam | 200.000 |
| 13 | Nguyễn Hồng Quang - Chánh văn phòng UBND tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 14 | Nguyễn Văn Đính - Phó Viện trưởng Viện KSND tỉnh Quảng Nam | 500.000 |
| 15 | Lưu Văn Thương - Phó Chủ tịch LĐLĐ tỉnh Quảng Nam | 200.000 |
| 16 | Huỳnh Cao Thiện - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Nam | 200.000 |
| 17 | Đỗ Tài - Bí thư Huyện ủy Đông Giang | 1.000.000 |
| 18 | Trần Duy Dũng - Phó Bí thư Thường trực huyện ủy Nam Trà My | 1.000.000 |
| 19 | Trần Ngọc Trinh - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã Quế Lưu, Hiệp Đức | 500.000 |
| 20 | Trần Văn Anh - Hội Cựu chiến binh Duy Xuyên | 100.000 |
| 21 | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Điện Nam Đông, TX Điện Bàn | 50.000 |
| 22 | Phạm Phú Tiến - Cán bộ Điện Bàn | 50.000 |
| 23 | Hồ Hoát - Cựu chiến binh phường An Mỹ, TP Tam Kỳ | 50.000 |
| 24 | Trương Công Hạn - Hội Cựu chiến binh xã Điện Phong, thị xã Điện Bàn | 50.000 |
| 25 | Nguyễn Văn Minh - Hội Cựu chiến binh Đại Lộc | 50.000 |
| 26 | Võ Trọng Hải - Thăng Bình | 50.000 |
| 27 | Lê Văn Thái - Tam Lãnh, Phú Ninh | 100.000 |
| 28 | Trần Hữu Nhân - Nông Sơn | 50.000 |
| 29 | Lê Quốc Quang - Hội Cựu chiến binh huyện Hiệp Đức | 100.000 |
| 30 | Nguyễn Văn Thân - Cựu Chiến binh | 100.000 |
| 31 | Nguyễn Văn Nam - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thị trấn Trà My | 50.000 |
| 32 | Phạm Văn Lài - Bình Dương, Thăng Bình | 50.000 |
| 33 | Nguyễn Đức Bàn - Bình Phú, Thăng Bình | 50.000 |
| 34 | Phạm Văn Đào - Hội Cựu chiến binh Tiên Phước | 100.000 |
| 35 | Phan Văn Tiên - Hội Cựu chiến binh xã Bình Nguyên | 100.000 |
| 36 | Nguyễn Trường Danh - Hội Cựu chiến binh Thăng Bình | 50.000 |
| 37 | Nguyễn Đức Hương - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thị trấn Hà Lam | 100.000 |
| 38 | Bùi Quang Tùng - Cựu chiến binh TX Điện Bàn | 50.000 |
| 39 | Phạm Đình Chiến - Núi Thành | 40.000 |

| TT | CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ ỦNG HỘ | SỐ TIỀN |
|---|---|---|
| 40 | Phạm Văn Hiệu - Cựu chiến binh Tam Tiến | 70.000 |
| 41 | Trần Văn Thảo - Cựu chiến binh Bình Nam, Thăng Bình | 50.000 |
| 42 | Nguyễn Văn Quốc - Cựu chiến binh Quế Ninh, Nông Sơn | 50.000 |
| 43 | Trương Văn Thời - Cựu chiến binh Điện Bàn | 50.000 |
| 44 | Phạm Văn Út - Vĩnh Điện, Điện Bàn | 50.000 |
| 45 | Nguyễn Tiến Gia - Cựu Chiến binh Hiệp Đức | 50.000 |
| 46 | Ngô Chí Khang - Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Nam | 100.000 |
| 47 | Nguyễn Hân - Điện Bàn | 50.000 |
| 48 | Đỗ Tiến Dũng | 50.000 |
| 49 | Trương Thanh Xuân - Hội Cựu chiến binh TP Hội An | 100.000 |
| 50 | Lê Thanh Hòa - Hội Cựu chiến binh TT Núi Thành | 50.000 |
| 51 | Lê Tấn Kính - Hội Cựu chiến binh phường Điện Dương, TX Điện Bàn | 50.000 |
| 52 | Nguyễn Văn Luận - Hội Cựu chiến binh huyện Tiên Phước | 50.000 |
| 53 | Võ Đức Thành - Cựu chiến binh huyện Đại Lộc | 50.000 |
| 54 | Đào Đình Tuấn - Cựu chiến binh huyện Đại Lộc | 50.000 |
| 55 | Phạm Văn Kim - Cựu chiến binh huyện Thăng Bình | 50.000 |
| 56 | Nguyễn Văn Dũng - Cựu chiến binh Quế Sơn | 100.000 |
| 57 | Nguyễn Văn Vân - Thăng Phước, Hiệp Đức | 50.000 |
| 58 | Nguyễn Phước Sáu - Cựu chiến binh Điện Bàn | 50.000 |
| 59 | Lê Xuân Diệu - Cựu Chiến binh Núi Thành | 50.000 |
| 60 | Nguyễn Vĩnh Phúc - Cựu chiến binh Núi Thành | 50.000 |
| 61 | Nguyễn Thắng | 100.000 |
| 62 | Phan An - CCB Duy Trung, Duy Xuyên | 100.000 |
| 63 | Lê Đức Sương - CCB Đông Giang | 200.000 |
| 64 | Nguyễn Đình Kiểm - Cựu chiến binh Núi Thành | 100.000 |
| 65 | Nguyễn Văn Cường - Điện Thắng Bắc | 50.000 |
| 66 | Nguyễn Văn Hoàng - CCB Hiệp Đức | 100.000 |
| 67 | Đỗ Văn Cần - Cựu chiến binh Duy Xuyên | 100.000 |
| 68 | Nguyễn Văn Lương - Cựu chiến binh Bình Sa, Thăng Bình | 100.000 |
| 69 | Lưu Văn Hạ - Cựu chiến binh Quế Sơn | 100.000 |
| 70 | Văn Bá Ánh - Cựu chiến binh Nam Phước, Duy Xuyên | 100.000 |
| 71 | Phạm Đình Thông - Cựu chiến binh tỉnh Quảng Nam | 100.000 |
| 72 | Bùi Văn Xạ - Cựu chiến binh Tam Hòa | 50.000 |
| 73 | Nguyễn Duy Minh - Cựu chiến binh Quế Sơn | 50.000 |
| 74 | Nguyễn Văn Bạn | 40.000 |
| 75 | Nguyễn Sau - Cựu chiến binh Đại Lộc | 50.000 |
| 76 | Trương Hải Nam - Cựu chiến binh Tam Xuân | 50.000 |
| 77 | Võ Văn Phấn - Cựu chiến binh Điện Phương, Điện Bàn | 50.000 |
| 78 | Lê Văn Đại - Chủ tịch Cựu chiến binh Điện Bàn | 100.000 |
| 79 | Nguyễn Văn Quang - Cựu chiến binh Quế Sơn | 50.000 |
| 80 | Lê Hồng Bông - Cựu chiến binh xã Duy Trinh | 100.000 |
| 81 | Nguyễn Thành Dũng - Cựu chiến binh Đại Cường, Đại Lộc | 100.000 |
| 82 | Alăng Manh - Cựu chiến binh Đông Giang | 50.000 |
| 83 | Lê Minh Xây - Cựu chiến binh Sông Trà, Hiệp Đức | 50.000 |
| 84 | Nguyễn Thành Đăng - Cựu chiến binh Quế Sơn | 50.000 |
| 85 | Võ Đức Quý - Cựu chiến binh Bình Tú | 50.000 |
| 86 | Nguyễn Thanh Sáu - Tam Đàn, Phú Ninh | 100.000 |
| 87 | Trần Nhanh - Cựu chiến binh Tam Quang | 50.000 |

| TT | CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ ỦNG HỘ | SỐ TIỀN |
|---|---|---|
| 88 | Ngô Ánh Khôi - Cựu chiến binh Núi Thành | 100.000 |
| 89 | Trần Hữu Bảy - Cựu chiến binh Quế Phong | 100.000 |
| 90 | Nguyễn Văn Thông - Cựu chiến binh Bắc Trà My | 50.000 |
| 91 | Nguyễn Thị Thu Hà - Kế toán, Cựu chiến binh Điện Bàn | 100.000 |
| 92 | Nguyễn Đình Hùng - Cựu chiến binh Duy Xuyên | 100.000 |
| 93 | Lưu Ngọc Chín - CCB Nông Sơn | 50.000 |
| 94 | Trần Công Chức - Cựu chiến binh Nông Sơn | 50.000 |
| 95 | Nguyễn Duy Thành - Quế Xuân 1 | 50.000 |
| 96 | Trần Phước Tám - Quế Hiệp, Quế Sơn | 50.000 |
| 97 | Trương Anh - CCB Duy Châu | 50.000 |
| 98 | Nguyễn Quốc Thái - CCB Tam Kỳ | 100.000 |
| 99 | Nguyễn Phước Cương - CCB huyện Nông Sơn | 100.000 |
| 100 | Nguyễn Trọng Tấn - Chủ tịch Hội CCB Tam Trà, Núi Thành | 50.000 |
| 101 | Nguyễn Xuân Vinh - Chủ tịch CCb Hiệp Thuận, Hiệp Đức | 50.000 |
| 102 | Lê Văn Long - Chủ tịch CCB Tam Hiệp, Núi Thành | 50.000 |
| 103 | Lê Bá Hai - Quế Xuân, Quế Sơn | 50.000 |
| 104 | Nguyễn Quang Ngọc - CCB Duy Xuyên | 100.000 |
| 105 | Lương Văn Hải - CCB Điện Bàn | 50.000 |
| 106 | Bùi Kim Thi - Chủ tịch CCB Xã Trà Đông, huyện Bắc Trà My | 50.000 |
| 107 | Nguyễn Trường Vinh | 100.000 |
| 108 | Phạm Trí - CCB | 50.000 |
| 109 | Nguyễn Lân - CCB xã Duy Trinh, Duy Xuyên | 100.000 |
| 110 | Võ Viết Hoàng - Chủ tịch CCB Tam Anh Bắc, Núi Thành | 50.000 |
| 111 | Nguyễn Sanh - CCB Quế Trung, Nông Sơn | 50.000 |
| 112 | Nguyễn Thanh Xuân - CCB Núi Thành | 100.000 |
| 113 | Võ Long Bình - CCB Duy Xuyên | 100.000 |
| 114 | Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam | 3.000.000 |
| 115 | Sở Thông tin Truyền thông tỉnh Quảng Nam | 7.200.000 |
| 116 | Sở Lao động, thương binh và xã hội tỉnh Quảng Nam | 38.500.000 |
| 117 | Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Quảng Nam | 1.550.000 |
| 118 | Đảng ủy khối doanh nghiệp Quảng Nam | 3.000.000 |
| 119 | Trung tâm khuyến công và xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 120 | Hội Cựu TNXP tỉnh Quảng Nam | 500.000 |
| 121 | Hội Nạn nhân chất độc da cam Dioxin Quảng Nam | 500.000 |
| 122 | Trường ĐH Quảng Nam | 10.000.000 |
| 123 | Ban Đại diện Giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Nam | 10.000.000 |
| 124 | Ban Đại diện Hội thánh Truyền giáo Cao Đài tỉnh Quảng Nam | 5.000.000 |
| 125 | Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 126 | Trung tâm văn hóa tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 127 | Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam | 10.000.000 |
| 128 | Tập thể CBCC Trường CĐ Y tế Quảng Nam | 10.000.000 |
| 129 | Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Quảng Nam | 500.000 |
| 130 | Ban quản lý dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tỉnh Quảng Nam | 1.500.000 |
| 131 | Trung tâm tin học - ngoại ngữ ĐH Quảng Nam | 500.000 |
| 132 | Hội CCB BHXH tỉnh Quảng Nam | 500.000 |
| 133 | Đoàn Đại biểu Hội CCB huyện Nam Trà My | 530.000 |
| 134 | Điện Quang - Điện Bàn | 50.000 |
| 135 | Huyện ủy Phước Sơn | 1.000.000 |

| TT | CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ ỦNG HỘ | SỐ TIỀN |
|---|---|---|
| 136 | CCB Quế Minh, Quế Sơn | 50.000 |
| 137 | CCB Phước Sơn | 700.000 |
| 138 | Đoàn Đại Biểu Hội CCB Đại Lộc | 50.000 |
| 139 | CCB Điện Thắng Trung | 50.000 |
| 140 | CCB Tam Anh Nam, Núi Thành | 50.000 |
| 141 | CCB Tam Hải, Núi Thành | 50.000 |
| 142 | CCB Quế Châu | 50.000 |
| 143 | 24 cá nhân không tên | 1.690.000 |
| 144 | Trung tâm kiểm nghiệm Quảng Nam | 1.000.000 |
| 145 | Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam | 2.700.000 |
| 146 | Nhà khách Tỉnh ủy Quảng Nam | 965.000 |
| 147 | Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 148 | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Nam | 5.000.000 |
| 149 | Công ty cổ phần công trình GTVT Quảng Nam | 10.000.000 |
| 150 | Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Nam | 7.100.000 |
| 151 | Liên minh hợp tác xã tỉnh Quảng Nam | 2.259.000 |
| 152 | Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 153 | Ban Quản lý dự án hạ tầng tỉnh Quảng Nam | 2.600.000 |
| 154 | Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy Quảng Nam | 1.000.000 |
| 155 | Văn phòng Sở GTVT tỉnh Quảng Nam | 3.000.000 |
| 156 | Chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam | 500.000 |
| 157 | Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | 600.000 |
| 158 | Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng tỉnh Quảng Nam | 2.000.000 |
| 159 | Hội Từ thiện Quảng Nam | 2.000.000 |
| 160 | Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam | 13.270.000 |
| 161 | Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Bắc Trà My | 30.000.000 |
| 162 | Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Quảng Nam | 600.000 |
| 163 | Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam (2 đợt) | 2.000.000 |
| 164 | Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 165 | Chi cục chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Nam | 1.500.000 |
| 166 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Nam | 10.000.000 |
| 167 | Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai | 30.000.000 |
| 168 | Công ty CP GTVT Quảng Nam | 10.000.000 |
| 169 | Văn phòng HĐND tỉnh Quảng Nam | 10.000.000 |
| 170 | Công ty CP in - PHS và thiết bị trường học Quảng Nam | 20.000.000 |
| 171 | Công đoàn Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam | 5.000.000 |
| 172 | Bưu điện tỉnh Quảng Nam | 10.000.000 |
| 173 | Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Nam Trà My | 50.000.000 |
| 174 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam (2 đợt) | 10.410.000 |
| 175 | Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam | 6.360.000 |
| 176 | Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Nam | 4.300.000 |
| 177 | Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam | 930.000 |
| 178 | Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam | 5.000.000 |
| 179 | Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam | 4.000.000 |
| 180 | Trung tâm Mắt Quảng Nam | 500.000 |
| 181 | Công ty TNHH TM-DV xăng dầu Trường Xuân | 500.000 |
| 182 | Sở Ngoại vụ Quảng Nam | 4.870.000 |
| 183 | Đoàn địa chất 154 | 2.000.000 |

| TT | CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ ỦNG HỘ | SỐ TIỀN |
|---|---|---|
| 184 | Trung tâm bảo trợ Tương lai xanh Quảng Nam | 500.000 |
| 185 | Hội Chữ thập đỏ huyện Đông Giang | 25.000.000 |
| 186 | BHXH tỉnh Quảng Nam | 30.000.000 |
| 187 | Chi cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Nam | 4.000.000 |
| 188 | Công ty CP CTN Quảng Nam | 5.000.000 |
| 189 | Công ty CP cơ điện & xây dựng Quảng Nam (2 đợt) | 7.560.000 |
| 190 | Ban Cứu trợ huyện Đại Lộc | 100.000.000 |
| 191 | UBMT huyện Tiên Phước | 50.000.000 |
| 192 | Ban quản lý Dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT | 5.260.000 |
| 193 | Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Quảng Nam | 765.000 |
| 194 | UBMT huyện Thăng Bình | 50.000.000 |
| 195 | Công ty CP Lâm sản Pisico Quảng Nam | 5.000.000 |
| 196 | Văn phòng Sở Y tế tỉnh Quảng Nam | 6.375.000 |
| 197 | BIDV Quảng nam | 20.627.090 |
| 198 | UBMT huyện Quế Sơn | 30.000.000 |
| 199 | BQL Khu kinh tế mở Chu Lai | 8.130.000 |
| 200 | Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Quyền trẻ em và Bệnh nhân nghèo tỉnh Quảng Nam | 500.000 |
| 201 | CĐ chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng | 1.000.000 |
| 202 | Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam | 12.000.000 |
| 203 | VP Ban ATGT tỉnh Quảng Nam | 2.000.000 |
| 204 | Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Nam | 1.400.000 |
| 205 | Báo Quảng Nam | 9.670.000 |
| 206 | Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Nam | 3.000.000 |
| 207 | Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam | 5.000.000 |
| 208 | Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Nam | 5.860.400 |
| 209 | BQL Dự án ĐTXD tỉnh Quảng Nam | 9.161.613 |
| 210 | Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển KTHT Miền Trung - Tây Nguyên | 1.790.000 |
| 211 | Hội Người mù tỉnh Quảng Nam | 500.000 |
| 212 | Trung tâm Hội nghị Quảng Nam | 1.030.000 |
| 213 | Công đoàn Công ty Giày Rieker Việt Nam | 10.000.000 |
| 214 | VP Sở Công thương tỉnh Quảng Nam | 5.000.000 |
| 215 | UBMT TX Điện Bàn | 50.000.000 |
| 216 | UBMT huyện Thăng Bình | 32.000.000 |
| 217 | VP UBND tỉnh Quảng Nam | 11.303.914 |
| 218 | Ban Tiếp công dân tỉnh Quảng Nam | 1.105.982 |
| 219 | Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam | 10.000.000 |
| 220 | TT Quan trắc và phân tích môi trường Quảng Nam | 3.000.000 |
| 221 | Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam | 10.000.000 |
| 222 | UBMT huyện Phú Ninh | 50.000.000 |
| 223 | Viễn thông Quảng Nam | 50.000.000 |
| 224 | Đoàn ca kịch Quảng Nam | 2.150.000 |
| 225 | Công đoàn viên chức tỉnh Quảng Nam | 25.426.000 |
| 226 | Sở GTVT tỉnh Quảng Nam | 4.724.528 |
| 227 | Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam | 3.600.000 |
| 228 | Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Nam | 1.357.228 |
| 229 | Bệnh viện Nhi Quảng Nam | 5.270.000 |
| 230 | Cục Thống kê Quảng Nam | 5.000.000 |
| 231 | VP Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam | 5.000.000 |

| TT | CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ ỦNG HỘ | SỐ TIỀN |
|---|---|---|
| 232 | Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Quảng Nam | 1.000.000 |
| 233 | Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam | 15.000.000 |
| 234 | Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam | 5.200.000 |
| 235 | Công ty Cp Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam | 10.000.000 |
| 236 | Tỉnh đoàn Quảng Nam | 12.340.000 |
| 237 | Văn phòng Cục thuế Quảng Nam | 14.254.875 |
| 238 | Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Nam | 2.531.510 |
| 239 | Thanh tra tỉnh Quảng Nam | 11.415.900 |
| 240 | Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Nam | 4.382.900 |
| 241 | UBMT huyện Đại Lộc | 372.160.000 |
| 242 | UBMT huyện Phước Sơn | 40.000.000 |
| 243 | Trung tâm giống thủy sản Quảng Nam | 3.400.000 |
| 244 | Công ty Cp GTVT Quảng Nam | 19.900.000 |
| 245 | UBMT huyện Hiệp Đức | 30.000.000 |
| 246 | UBMT huyện Núi Thành | 50.000.000 |
| … | …. | |
| | | |
| | | |
| **Tổng cộng** | | **1.683.285.940** |

| |
|---|
| 477.694.000 |
| |